

Bản án số: 116/2022/HC-PT

Ngày 10/5/2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại trong quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2022/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2022 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, kháng nghị, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Trương N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Văn N - Văn phòng Luật sư Q thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và Ủy ban nhân dân thành phố H; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Vắng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Nguyễn Văn Thành N - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H. Có mặt.

Ông Huỳnh Ngọc H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H. Có mặt.

2. Ông Trương N, sinh năm 1958, vắng mặt

3. Bà Trương Thị T, sinh năm 1960. Có mặt.

4. Bà Trương Thị T1, sinh năm 1967, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã C, thành phố H.

5. Ông Trương N, sinh năm 1970; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

6. Đại diện Tộc Trương: Ông Trương Văn S; địa chỉ: Thôn P, xã C, thành phố H.

7. Bà Lê Thị Thùy S, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trương N

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Nguyên trước năm 1975, cha ông Trương N là ông Trương N1 có khai hoang thửa đất tại thôn P (nay là thôn P) xã C, thành phố H để làm nhà ở và lập vườn. Thửa đất này được gia đình ông Trương N1 quản lý sử dụng ổn định liên tục, kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.107m², loại đất thổ cư do ông Trương N1 đứng tên. Vì là con cháu của Tộc Trương nên ông Trương N1 có cho Tộc Trương xây dựng tạm một ngôi nhà trên thửa đất nói trên để thuận tiện cho việc thờ phụng, hương khói cho ông bà, khi nào Tộc Trương có đất xây dựng được nhà thờ thì sẽ chuyển đi nơi khác. Thế nhưng, không biết lý do vì sao khi kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP, chính quyền địa phương tự ý tách thửa đất của gia đình ông Trương N1 thành 02 thửa, cụ thể: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 01, diện tích 522m², loại đất xây dựng kê khai cho Tộc Trương đứng tên và thửa đất số 88, tờ bản đồ số 01, diện tích 627m² loại đất thổ cư kê khai cho ông Trương N1 đứng tên.

Việc tách thửa, kê khai đăng ký thửa đất số 89, diện tích 522m² cho Tộc Trương đứng tên ông Trương N không hề hay biết, vì thực tế phần diện tích đất làm nhà thờ chỉ khoảng 100m², phần diện tích đất còn lại có nhà ở của chị gái ông N là

bà Trương Thị T xây dựng từ năm 1998 và gia đình ông N quản lý sử dụng làm vườn trồng các loại cây chuối, cau, tre... từ đó đến nay. Do việc tách thửa, đăng ký kê khai thửa đất số 89 cho Tộc Trương không đúng với thực tế nên Tộc Trương và gia đình ông N đã phát sinh tranh chấp. Đến ngày 07/9/2007, UBND xã C đã tổ chức hòa giải nhưng các bên không thống nhất xác định được ranh giới thửa đất của Tộc Trương. Mặc dù đất đang tranh chấp nhưng năm 2009 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố H lại ban hành Quyết định thu hồi đất số 2087F/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 thu hồi thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng của Tộc Trương. Quyết định thu hồi đất này gia đình ông N hoàn toàn không biết, thửa đất này đang tranh chấp mà UBND thành phố H ra quyết định thu hồi đất là trái quy định pháp luật, không đúng với hồ sơ theo Nghị định 64/CP cũng như hồ sơ đo mới VN.2000 về số hiệu thửa đất, diện tích và loại đất.

Sau đó, Nhà thờ Tộc Trương chuyển đi nơi khác và gia đình ông N tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên cho đến nay theo hiện trạng là thửa số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.046,2m². Năm 2016, ông Trương N tiến hành làm các thủ tục đề nghị chỉnh lý biên động thửa đất nêu trên cho gia đình. Tuy nhiên, ngày 27/5/2016 UBND thành phố H có Văn bản số 311/TB-UBND thông báo cho ông N biết trường hợp chỉnh lý biên động của ông Trương N không đủ điều kiện để xem xét cho chỉnh lý biên động. Do đó, ông N tiếp tục có đơn kiến nghị, ngày 13/02/2019, UBND thành phố H có Văn bản số 344/UBND trả lời đơn của ông N và chỉ cho gia đình ông N chỉnh lý một phần thửa đất, phần đất còn lại khoảng gần 600m² không chỉnh lý cho gia đình ông. Không thống nhất với văn bản này, ngày 08/4/2019, ông N đã có đơn khiếu nại yêu cầu UBND thành phố H chỉnh lý toàn bộ thửa đất cho gia đình ông N.

Ngày 19/12/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu khiếu nại nêu trên của ông N và cho rằng phần đất này đã bị thu hồi và giao cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Ông N cho rằng Quyết định số 2555/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố H là trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N. Vì thực tế nguồn gốc thửa đất này do gia đình ông N khai hoang vỡ hóa từ năm 1975 và cha ông N là ông Trương N1 đã kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Phần đất này từ trước đến nay gia đình ông N quản lý sử dụng liên tục, ổn định và trên đất đang có tài sản gồm nhà ở và các loại cây tre, cau, chuối ... của gia đình ông N.

Do đó, ông N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Thông báo số 311/TB-UBND ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đề nghị chỉnh lý biên động diện tích đất; hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H chỉnh lý biên động toàn bộ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.046,2m² cho hộ ông Trương N (đại diện những người thừa kế của ông Trương N1) theo đúng quy định của pháp luật và hủy một phần Quyết định số 2087F/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc “Thu hồi thửa đất số 39, tờ

bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng của nhà thờ Tộc Trương. Giao thửa đất trên cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý”.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Tháng 8 năm 2017, ông Trương Văn N có đơn đề nghị xem xét lại quá trình giải quyết chính lý biến động diện tích đất của gia đình ông Trương N1 (đã mất là cha của ông N). Sau khi nhận đơn của ông N, UBND thành phố H đã ban hành Công văn số 344/UBND ngày 13/02/2019 về việc trả lời đơn cho ông Trương Văn N.

Không thống nhất nội dung trả lời đơn của UBND thành phố H tại Công văn số 344/UBND ngày 13/02/2019, ông Trương Văn N có đơn khiếu nại theo đơn lập ngày 08/4/2019. Sau khi nhận đơn của ông N, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2010, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông N đối với một phần Công văn 344/UBND ngày 13/2/2018 của UBND thành phố H.

Căn cứ theo hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg tại xã C (thực hiện năm 1983), hộ ông Trương N1 kê khai tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.107m², loại đất thổ cư (có sổ mục kê nhưng tờ bản đồ bị thất lạc và không có sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính). Khoảng năm 1990, hộ ông Trương N1 cho Tộc Trương sử dụng một phần diện tích đất xây dựng Nhà thờ. Đến khi thực hiện kê khai đăng ký đất đai theo Nghị định 64/CP tại C (thực hiện năm 1994), Nhà thờ Tộc Trương kê khai đăng ký phần diện tích đất này, thể hiện tại thửa số 89, tờ bản đồ số 01, diện tích 522m², loại đất xây dựng; hộ ông Trương N1 kê khai tại thửa số 88, tờ bản đồ số 01, diện tích 627m², loại đất thổ cư và đã được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đất số hiệu G 262532 ngày 22/6/1995.

Theo hồ sơ đo mới VN.2000 tại xã C (thực hiện năm 2002), hộ ông Trương N1 đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 755m², loại đất ở và vườn; Tộc Trương đứng tên chủ sử dụng thửa số 115, tờ bản đồ số 112, diện tích 448m², loại đất xây dựng.

Ngày 31/7/2009, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2087F/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng (đang tồn tại Nhà thờ Tộc Trương); giao thửa đất trên cho UBND xã C quản lý. Đồng thời giao lại thửa đất mới cho Tộc Trương (do ông Trương Văn S đại diện) tại thửa đất số 509, tờ bản đồ số 13 bản đồ đo mới xã C, diện tích 542m² và cấp GCNQSDĐ số AP266224 để xây dựng Nhà thờ Tộc Trương.

Như vậy, phần diện tích đất ông N khiếu nại (*từ sát nhà bà Trương Thị T đến nhà thờ Tộc Phan Xuân*) do Nhà thờ Tộc Trương sử dụng vào mục đích tín ngưỡng (xây dựng Nhà thờ tộc) và kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP tại thửa số 89, tờ bản đồ số 01, diện tích 522m², loại đất xây dựng; Tờ bản đồ, sổ mục kê hồ sơ đo

mới VN.2000 tại xã C (thực hiện năm 2002) thể hiện rõ chủ sử dụng đất là Nhà thờ Tộc Trương. Năm 2009, UBND thành phố H đã thu hồi thửa đất này giao UBND xã C quản lý, đồng thời giao lại cho Nhà thờ Tộc Trương thửa đất khác (thửa đất số 509, tờ bản đồ số 13, diện tích 542m² theo hồ sơ đo mới VN.2000) tại thôn P, xã C, thành phố H để xây dựng lại Nhà thờ Tộc Trương. Do đó, căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, việc ông Trương N khiếu nại một phần Công văn số 344/UBND ngày 13/02/2018 của UBND thành phố H và yêu cầu UBND thành phố cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất trên cho hộ gia đình Trương N là không có cơ sở giải quyết.

Từ những cơ sở trên, UBND thành phố H nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trương N là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương N.

Ngoài ra, theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 32/TLST-HC ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì họ tên người khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của Chủ tịch UBND thành phố H là ông Trương N. Tuy nhiên, tất cả các văn bản, giấy tờ liên quan đến hồ sơ chỉnh lý biên động của hộ ông Trương N1 từ năm 2016 cho đến khi UBND thành phố H ban hành Công văn số 344/UBND ngày 13/02/2019 và bị ông N khiếu nại (*Giấy biên nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ; Giấy xác nhận nguồn gốc đất và các Báo cáo của UBND xã C; Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới ngày 10/5/2016; Trích đo bản đồ ngày 20/5/2016 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai H và các Báo cáo tham mưu của Phòng Tài nguyên và Môi trường...*) đều thể hiện là ông Trương Văn N; đồng thời, Bản di chúc lập ngày 14/12/2009 của ông Trương N1 và bà Nguyễn Thị Thôi (cha, mẹ ông N), UBND xã C chứng thực ngày 16/12/2009 cũng thể hiện người được hưởng tài sản theo di chúc là ông Trương Văn N và trong quá trình thụ lý, giải quyết khiếu nại, Tổ xác minh đã trực tiếp làm việc, đối thoại (thể hiện tên Trương Văn N) nhưng ông N không có ý kiến gì. Vì vậy ông Trương N và ông Trương Văn N trong vụ việc này là một người (một chủ thể pháp luật).

Tại đơn trình bày và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T, ông Trương N, ông Trương N, bà Trương Thị T1 và bà Lê Thị Thùy S:

Bà Trương Thị T, ông Trương N, ông Trương N, bà Trương Thị T1 và bà Lê Thị Thùy S thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương N, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trương N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn S (đại diện Tộc Trương) trình bày:

Nguồn gốc đất của Nhà thờ tộc Trương được xây dựng trên đất Nhà thờ Tứ Tộc. Năm 1982, Nhà nước có chủ trương và tháo dỡ Nhà thờ Tứ Tộc để xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1990, Tộc Trương xây dựng nhà thờ trên phần móng của Nhà thờ Tứ Tộc và theo diện tích đã được Tộc Trương kê khai đăng ký theo

Nghị định 64/CP. Từ năm 1990 đến năm 2008, Tộc Trương tổ chức các hoạt động của Tộc tại Nhà thờ Tộc Trương. Năm 2008, Tộc Trương muốn mở rộng diện tích đất nhà thờ nên Tộc Trương xin UBND thành phố H cấp thửa đất mới tại thôn P, xã C và Nhà thờ Tộc Trương xây dựng nhà thờ mới đến nay. Phần diện tích đất của nhà thờ cũ đã được UBND thành phố H thu hồi. Việc các bậc tiền bối của Tộc Trương có mượn đất của hộ ông Trương N1 hay không thì ông không rõ, tuy nhiên theo ông thì diện tích đất của Nhà thờ tộc Trương xây dựng trên diện tích đất của Nhà thờ Tứ Tộc, không thể là đất mượn. Ông đại diện tộc Trương yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án được xác định như trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã Quyết định:

- Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương N về yêu cầu hủy Thông báo số 311/TB-UBND ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đề nghị chỉnh lý biến động diện tích đất; hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H chỉnh lý biến động toàn bộ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.046,2m² cho hộ ông Trương N (đại diện những người thừa kế của ông Trương N1) theo đúng quy định của pháp luật và hủy một phần Quyết định số 2087F/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc “Thu hồi thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng của Nhà thờ Tộc Trương. Giao thửa đất trên cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 25/11/2021, người khởi kiện – ông Trương N (sau đây gọi là Người khởi kiện) kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện về yêu cầu: Hủy Thông báo số 311/TB-UBND ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đề nghị chỉnh lý biến động diện tích đất; hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H chỉnh lý biến động toàn bộ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.046,2m² cho hộ ông Trương N (đại diện những người thừa kế của ông Trương N1) theo đúng quy định của pháp luật và hủy một phần Quyết định số 2087F/QĐ-UBND

ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc “Thu hồi thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng của Nhà thờ Tộc Trương. Giao thửa đất trên cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý”;

Ngày 01/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 01/QĐ-VKS-HC kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện: Hủy một phần Quyết định số 2087F/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc “Thu hồi thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng của Nhà thờ Tộc Trương. Giao thửa đất trên cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý; Hủy Thông báo số 311/TB-UBND ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đề nghị chỉnh lý biến động diện tích đất; Hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H chỉnh lý biến động toàn bộ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.046,2m² cho hộ ông Trương N.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên, Người khởi kiện và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện đề nghị sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm, chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát; Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo nội dung yêu cầu kháng cáo và đề nghị kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người khởi kiện, Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng cáo, kháng nghị; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt Người bị kiện.

[2]. Xét kháng cáo của Người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị: Hủy một phần Quyết định số 2087F/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc “Thu hồi thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng của Nhà thờ Tộc Trương. Giao thửa đất trên cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý; Hủy Thông báo số 311/TB-UBND ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đề nghị chỉnh lý biến động diện tích đất; Hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H chỉnh lý biến động toàn bộ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.046,2m² cho hộ ông Trương N thì thấy:

[2.1]. Căn cứ theo hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg tại xã C (thực hiện năm 1983), hộ ông Trương N1 kê khai tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.107m², loại đất thổ cư (chỉ có sổ mục kê, không có sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính). Khoảng năm 1990, Tộc Trương sử dụng một phần diện tích đất xây dựng Nhà thờ. Hồ sơ đăng ký đất đai theo Nghị định 64/CP tại xã C (thực hiện năm 1994) thì: Nhà thờ Tộc Trương kê khai đăng ký phần diện tích 522m² tại thửa số 89, tờ bản đồ số 01, loại đất xây dựng; hộ ông Trương N1 kê khai tại thửa số 88, tờ bản đồ số 01, diện tích 627m², loại đất thổ cư và hộ ông Trương N1 cũng đã được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) đất số hiệu G 262532 ngày 22/6/1995(bl 16). Theo hồ sơ đo mới VN.2000 tại xã C (thực hiện năm 2002), hộ ông Trương N1 đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 755m², loại đất ở và vườn; Tộc Trương đứng tên chủ sử dụng thửa số 115, tờ bản đồ số 112, diện tích 448m², loại đất xây dựng

[2.2]. Năm 2009, UBND thành phố H giao thửa đất số 509, tờ bản đồ số 13 bản đồ đo mới xã C, diện tích 542m² cho Tộc Trương (do ông Trương Văn S đại diện) để xây dựng nhà thờ Tộc Trương và cũng đã cấp Giấy CNQSDĐ số AP266224 cho nhà thờ Tộc Trương; Do đã được cấp đất xây dựng nhà thờ mới cho Tộc Trương nên, ngày 31/7/2009, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2087F/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng (đang tồn tại Nhà thờ Tộc Trương) và giao thửa đất trên cho UBND xã C quản lý là có căn cứ, đúng với thực tế đăng ký, sử dụng đất của cụ Trương N1 và nhà thờ Tộc Trương.

[2.3]. Khi ban hành Quyết định số 2087F/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 về việc thu hồi đất, giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ, UBND thành phố H đã không xem xét kỹ về hiện trạng sử dụng đất đối với thửa đất bị thu hồi. Vì thời điểm thu hồi trên đất có ngôi nhà của bà Trương Thị T, sai sót này đã được UBND thành phố H điều chỉnh tại Công văn số 344/UBND ngày 13/02/2019, cụ thể cho phép hộ ông Trương N1 (đã chết, ông Trương N là người đại diện) được chỉnh lý biến động tăng thửa đất số 88, tờ bản đồ số 01 xã C đối với phần diện tích đất tính từ ranh giới đường bê tông phía Nam thửa đất số 88 nêu trên đến sát ranh giới ngôi nhà của hộ

bà Trương Thị T. Đối với phần diện tích đất hiện có ngôi nhà của hộ bà Trương Thị T: Đề nghị hộ bà T liên hệ với UBND xã C để được hướng dẫn lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đó, các ngành, địa phương sẽ tham mưu UBND thành phố giải quyết trường hợp của hộ bà Trương Thị T theo quy định của pháp luật. Như vậy, theo nội dung Công văn số 344/UBND ngày 13/02/2019 của UBND thành phố H thì quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà Trương Thị T và hộ ông Trương N không bị ảnh hưởng khi thu hồi thửa đất của nhà thờ Tộc Trương. Ông Trương N yêu cầu được chỉnh lý biên động diện tích đất của nhà thờ Tộc Trương cho Ông là không có căn cứ.

[3]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Trương N là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm Người khởi kiện kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của người kháng cáo và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên những người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của ông Trương N; Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC ngày 01/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 66, khoản 2 Điều 204 Luật đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương N về yêu cầu hủy Thông báo số 311/TB-UBND ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn đề nghị chỉnh lý biên động diện tích đất; hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H chỉnh lý biên động toàn bộ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.046,2m² cho hộ ông Trương N (đại diện những người thừa kế của ông Trương N1) theo đúng quy định của pháp luật và hủy một phần Quyết định số 2087F/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc “Thu hồi thửa

đất số 39, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đo mới xã C là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 12, diện tích 522m², loại đất tín ngưỡng của Nhà thờ Tộc Trương. Giao thửa đất trên cho Ủy ban nhân dân xã C quản lý”.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương N phải chịu 300 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000047 ngày 16/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2021/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến